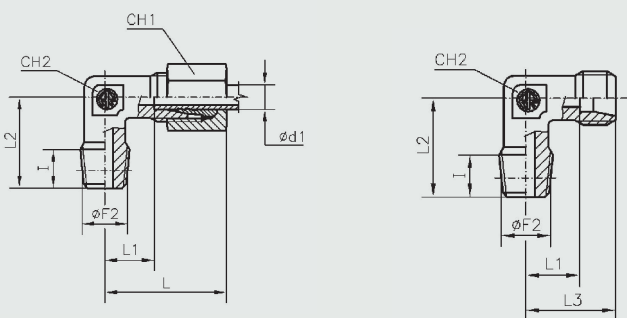




Filettatura:
Metrica conica

Thread:
Metric tapered

TN 94 M

– Raccordo di estremità a gomito
– Stud Elbows

Serie Series	Ø Tubo Tube O.D. d ₁	PN	Ø F2	I	L	L1	L2	L3	CH1	CH2	Simbolo di ordinazione - Part. No.		Peso - Weight kg. × 100 P.	
											Completo Complete	Solo corpo Only body	Completo Complete	Solo corpo Only body
LL	4	100	8×1	8	21	11	17	15	10	9	TN 94 - 4 LLM	TS 94 - 4 LLM	1,4	0,9
	5		8×1	8	21	9,5	17	15	12	9	TN 94 - 5 LLM	TS 94 - 5 LLM	1,6	1,0
	6		10×1	8	21	9,5	17	15	12	9	TN 94 - 6 LLM	TS 94 - 6 LLM	1,6	1,0
	8		10×1	8	23	11,5	20	17	14	12	TN 94 - 8 LLM	TS 94 - 8 LLM	2,3	1,5
L	6	315	10×1	8	27	12	20	19	14	12	TN 94 - 6 LM	TS 94 - 6 LM	3,0	2,0
	8		12×1,5	12	29	14	26	21	17	12	TN 94 - 8 LM	TS 94 - 8 LM	4,0	2,4
	10		14×1,5	12	30	15	27	22	19	14	TN 94 - 10 LM	TS 94 - 10 LM	5,4	3,3
	12		16×1,5	12	32	17	28	24	22	17	TN 94 - 12 LM	TS 94 - 12 LM	7,1	4,4
	15		18×1,5	14	36	21	32	28	27	19	TN 94 - 15 LM	TS 94 - 15 LM	11,8	7,3
	18		22×1,5	14	40	23,5	36	31	32	24	TN 94 - 18 LM	TS 94 - 18 LM	18,0	11,3
S	6	630	12×1,5	12	31	16	26	23	17	12	TN 94 - 6 SM	TS 94 - 6 SM	5,0	3,1
	8		14×1,5	12	32	17	27	24	19	14	TN 94 - 8 SM	TS 94 - 8 SM	6,7	4,5
	10		16×1,5	12	34	17,5	28	25	22	17	TN 94 - 10 SM	TS 94 - 10 SM	9,0	5,7
	12		18×1,5	12	38	21,5	31	29	24	17	TN 94 - 12 SM	TS 94 - 12 SM	11,4	7,8
	14		20×1,5	14	40	22	32	30	27	19	TN 94 - 14 SM	TS 94 - 14 SM	15,0	9,4
	16	400	22×1,5	14	43	24,5	32	33	30	24	TN 94 - 16 SM	TS 94 - 16 SM	20,0	12,9

- Le dimensioni di ingombro si intendono a raccordo chiuso.
- Overall sizes are with closed fitting.
- Per ordinare i raccordi in ACCIAIO INOX (AISI 316) sostituire nel codice di ordinazione la lettera "T" con la lettera "I"
- To order stainless steel fittings (AISI 316), replace the letter "T" with the letter "I"